PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 93/2015/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015*

NGHỊ ĐỊNH
Về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

2. Việc thành lập mới, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản và những nội dung khác về tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh không được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 3 Nghị định này; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức quản lý, hoạt động và kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

Điều 3. Điều kiện xác định doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Doanh nghiệp quốc phòng, an ninh là doanh nghiệp nhà nước được thành lập hoặc tổ chức lại để thực hiện các nhiệm vụ mang tính ổn định, thường xuyên trong những ngành, lĩnh vực, địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc bảo đảm bí mật và an ninh quốc gia.

2. Doanh nghiệp được xác định là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh phải bảo đảm các điều kiện sau:

- Là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Có ngành, lĩnh vực hoạt động quy định tại Phụ lục về Danh mục ngành, lĩnh vực hoặc địa bàn trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh ban hành kèm theo Nghị định này.

- Được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ổn định, thường xuyên bằng nguồn lực của Nhà nước hoặc nguồn lực của doanh nghiệp phù hợp với mục tiêu đầu tư, thành lập doanh nghiệp.

Chương II
TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

Ngoài những quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích quy định tại Điều 9 Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được cơ quan đại diện chủ sở hữu bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao.

2. Được sử dụng các nguồn lực được giao để hoạt động kinh doanh bổ sung ngoài kế hoạch sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi bảo đảm các điều kiện sau:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu cho phép bằng văn bản;

b) Hoạt động kinh doanh bổ sung có mục đích để kết hợp hỗ trợ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc để phát huy công suất và hiệu quả sử dụng tài sản sau khi đã hoàn thành việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao;

c) Không làm giảm năng lực và ảnh hưởng tới việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

d) Hạch toán riêng phần hoạt động kinh doanh bổ sung theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

3. Tiến hành quản lý nguồn lực được giao để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo các quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị vũ trang nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Chấp hành quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu về việc điều chuyển phần vốn hoặc tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh ở doanh nghiệp khác trong trường hợp cần thiết. Cơ quan đại diện chủ sở hữu liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong trường hợp điều chuyển phần vốn hoặc tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp.

5. Trường hợp thay đổi hoặc bổ sung ngành, nghề kinh doanh thì phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định.

6. Chấp hành các quy định pháp luật về hợp tác quốc tế và của cơ quan đại diện chủ sở hữu khi thực hiện các hoạt động liên kết với tổ chức, cá nhân nước ngoài để sản xuất, cung cấp sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Căn cứ vào quy mô và đặc thù hoạt động của doanh nghiệp, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên (Ban Kiểm soát) hoặc theo mô hình Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Kiểm soát viên (Ban Kiểm soát).

2. Đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh hoạt động trong các ngành, lĩnh vực đặc biệt, cơ cấu tổ chức quản lý của doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 6. Cơ chế hoạt động đối với doanh nghiệp và người lao động tại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Doanh nghiệp quốc phòng, an ninh được áp dụng các cơ chế hoạt động sau:

a) Được miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và thuế sử dụng đất đối với diện tích đất phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được giao quản lý và sử dụng phù hợp với quy định tại Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành;

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

b) Được hạch toán một số khoản chi phí đặc thù vào chi phí sản xuất kinh doanh (trường hợp không được ngân sách nhà nước hỗ trợ hoặc có hỗ trợ nhưng không đủ) bao gồm: Chi phí trả lương, đóng bảo hiểm xã hội cho người chuẩn bị nghỉ hưu; chi bảo đảm quân trang cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng, hạ sỹ quan, công nhân công an; thanh toán các khoản chi ra quân, xuất ngũ, phục viên, thôi việc theo chế độ hiện hành; các khoản chi cho công tác quốc phòng, an ninh, công tác phục vụ quốc phòng, quan hệ quân dân;

c) Được nhà nước cấp kinh phí cho việc duy trì, bảo dưỡng, sửa chữa vận hành các dây chuyền sản xuất quốc phòng, an ninh trong trường hợp tạm ngừng sản xuất mà không có khả năng tự bù đắp chi phí;

d) Được nhà nước hỗ trợ hai quỹ khen thưởng và phúc lợi bằng 02 tháng lương thực hiện, trong trường hợp không đủ nguồn để trích lập hai quỹ đó;

đ) Được nhà nước hỗ trợ kinh phí nhà trẻ, giáo dục tại địa bàn chưa có trường lớp theo hệ thống giáo dục công lập; kinh phí y tế đối với những nơi do điều kiện đặc biệt phải duy trì bệnh xá;

e) Doanh nghiệp quốc phòng, an ninh thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động trên các địa bàn chiến lược quan trọng được hưởng chế độ, chính sách ưu đãi và hỗ trợ khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Người lao động trong doanh nghiệp quốc phòng, an ninh được áp dụng các chế độ, chính sách sau:

a) Tiền lương của lao động là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan được tính phù hợp với quy định về chế độ, chính sách của pháp luật đối với sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan và căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Khi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, người lao động nếu bị thương hoặc bị chết mà đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xem xét, xác nhận là người có công theo quy định của pháp luật về người có công; người lao động bị tai nạn lao động thì xét hưởng chế độ tai nạn lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Nhà nước hỗ trợ trả lương cho số lượng người lao động tối thiểu cần phải duy trì để vận hành các dây chuyền sản xuất quốc phòng, an ninh trong trường hợp tạm ngừng sản xuất mà không có khả năng tự bù đắp chi phí.

Chương III
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH

Điều 7. Chế độ báo cáo, công bố thông tin đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Trước ngày 20 tháng 6 hàng năm, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh phải công bố trên cổng hoặc trang thông tin điện tử của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư những thông tin sau:

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

a) Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật;

b) Lịch sử hoạt động của doanh nghiệp, các mục tiêu phát triển dài hạn, kết quả thực hiện mục tiêu trong năm và mục tiêu phấn đấu năm sau;

c) Báo cáo các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu (doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ) năm trước liền kề;

d) Kế hoạch, kết quả sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp (nếu có); danh sách các công ty do doanh nghiệp nắm giữ trên 50% vốn điều lệ;

đ) Thu nhập bình quân người lao động.

2. Căn cứ quy định về các thông tin phải công bố định kỳ của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp quốc phòng, an ninh phải gửi các nội dung không thể công khai do bí mật quốc phòng, an ninh cho cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trước ngày 31 tháng 8 hàng năm, cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm tổng hợp và gửi các thông tin này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để theo dõi, có ý kiến hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp cần thiết.

Điều 8. Kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Căn cứ vào các quy định hiện hành và quy định tại Nghị định này, trước ngày 30 tháng 4 hàng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập kế hoạch, nội dung, đối tượng kiểm tra, giám sát đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh do mình quản lý và gửi tới Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để phối hợp triển khai.

2. Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính báo cáo về tình hình hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh trong năm trước liền kề. Nội dung báo cáo bao gồm một số nội dung cơ bản về tình hình hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; việc thực hiện đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; kết quả thực hiện sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp; kết quả thực hiện các cơ chế hoạt động đối với doanh nghiệp và người lao động tại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 9. Đặt hàng, giao kế hoạch hoặc giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Hàng năm, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao kế hoạch sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cho doanh nghiệp. Văn bản giao kế hoạch sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là căn cứ để doanh nghiệp được xem xét công nhận là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh và thực hiện các quy định tại Điều 6 Nghị định này.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

2. Cơ chế đặt hàng, giao kế hoạch, giá hoặc phí sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thẩm quyền trong việc công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

2. Định kỳ 03 năm một lần, Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 11. Quy trình công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

1. Trong thời hạn 10 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an lập 03 bộ Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định tại Điều 12 Nghị định này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

2. Chậm nhất 60 ngày trước kỳ công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Nghị định này, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện rà soát các doanh nghiệp đã được công nhận là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh do mình quản lý (bao gồm cả những doanh nghiệp quốc phòng, an ninh được thành lập mới trước kỳ công nhận lại) để lập 03 bộ Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định tại Điều 12 Nghị định này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

3. Sau khi nhận đủ Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì lấy ý kiến của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan trong trường hợp cần thiết.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình.

4. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến thẩm định đối với Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trường hợp có ý kiến khác nhau về những nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức họp với các cơ quan liên quan để thống nhất các nội dung thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

5. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

6. Đối với trường hợp thành lập mới doanh nghiệp quốc phòng, an ninh thì văn bản phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập mới doanh nghiệp thay thế cho quyết định công nhận doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

Điều 12. Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh

Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh gồm những nội dung sau:

1. Tên doanh nghiệp; ngành, lĩnh vực, địa bàn hoạt động của doanh nghiệp; các sản phẩm, dịch vụ và nhiệm vụ quốc phòng, an ninh mà doanh nghiệp thực hiện trong 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xét duyệt.

2. Đánh giá thực trạng hoạt động của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xét duyệt (cung cấp số liệu về vốn điều lệ, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế, nộp ngân sách, tổng số nợ phải trả, tổng số lao động...).

3. Báo cáo về tình hình sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh được Nhà nước đặt hàng, giao kế hoạch trong 03 năm gần nhất tính đến thời điểm xét duyệt.

4. Mục tiêu, kế hoạch phát triển của doanh nghiệp trong 03 năm tiếp theo kể từ thời điểm xét duyệt.

5. Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước khi sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

6. Những nội dung khác liên quan đến việc công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh (nếu có).

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015 và thay thế Nghị định số 104/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ về tổ chức, quản lý và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Trong thời hạn 10 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, căn cứ các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện rà soát các doanh nghiệp nhà nước do mình quản lý để

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

hoàn thiện Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an không được xác định là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh phải thực hiện sắp xếp lại căn cứ tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan trong các trường hợp sau:

a) Không đáp ứng điều kiện để công nhận, công nhận lại là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định này;

b) Trong thời gian được công nhận, công nhận lại là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh nhưng không được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất và cung ứng các sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh hoặc nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Trường hợp này, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định đưa ra khỏi danh sách doanh nghiệp quốc phòng, an ninh sau khi có ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

c) Quá thời hạn phải thực hiện công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh 06 tháng theo quy định tại Nghị định này mà không được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thiện Hồ sơ đề nghị công nhận, công nhận lại doanh nghiệp quốc phòng, an ninh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện quy định tại Điều 6 Nghị định này.

3. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh; tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh do mình quản lý.

4. Các tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp quốc phòng, an ninh chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483

Phụ lục

DANH MỤC NGÀNH, LĨNH VỰC HOẶC ĐỊA BÀN TRỰC TIẾP PHỤC VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH DO DOANH NGHIỆP QUỐC PHÒNG, AN NINH THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Nghị định số 93/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ)

1. Sản xuất thuốc nổ, vật liệu nổ phục vụ quốc phòng, an ninh.

2. Sản xuất hóa chất và vật tư hóa chất chuyên dụng phục vụ quốc phòng, an ninh.

3. Nghiên cứu, sản xuất, sửa chữa, cải tiến vũ khí, khí tài, công cụ hỗ trợ phục vụ quốc phòng, an ninh; phương tiện, thiết bị, tài liệu kỹ thuật mật mã; phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ chuyên dùng cơ yếu phục vụ quốc phòng, an ninh.

4. Chuyển giao công nghệ và xuất, nhập khẩu vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật quân sự và chuyên ngành mật mã.

5. Xuất bản, in, phát hành tài liệu nghiệp vụ, sách, báo chính trị, quân sự chuyên dùng có yêu cầu bảo mật của nhà nước.

6. Sản xuất các sản phẩm, vật tư, vật liệu và quân trang đặc chủng phục vụ quốc phòng, an ninh.

7. Quản lý, cung cấp dịch vụ bay phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

8. Sửa chữa, đóng mới tầu, thuyền, máy bay phục vụ quốc phòng, an ninh.

9. Khảo sát, thiết kế, thi công, sửa chữa các công trình quốc phòng, an ninh.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động trên các địa bàn chiến lược quan trọng tại: Biên giới, hải đảo, vùng biển, vùng dự án khu kinh tế quốc phòng và các địa bàn khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

11. Thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an./.

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn 09938483